

Tham khảo ngay những bài văn mẫu Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Dàn ý Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” Văn 10 chi tiết nhất

Mở bài

Đặng Trần Côn đã viết nên tác phẩm Chinh phụ ngâm như một khúc ngân xé lòng về nỗi đau về khát khao hạnh phúc của người chinh phụ xưa khi phải rời xa người thương.

Thân bài

- Bước đi đầy thẫn thờ, mỗi bước chân mang nặng nỗi sầu bi
- Ngồi nơi rèm thưa mà lòng chẳng chịu yên, mong chờ tiếng chim thước báo tin chàng trở về cho thỏa lòng mong mỏi, vậy mà chẳng một tiếng kêu.
- Nỗi buồn khổ thốt chẳng nên lời, xót thương cho bóng người sầu muộn bên hoa đèn cô đơn, ử rũ, buồn thương.
- Cảnh vật giờ đây cũng như tâm trạng của nàng vậy, thật ảm đạm, hiu hắt, hoang vắng:
 - + Tiếng gà eo óc
 - + Bóng hoè phát phơ
- Thời gian dài đằng đẵng như nỗi sầu vô tận.
- Càng gắng gượng thoát khỏi nỗi cô đơn bao nhiêu thì nỗi cô đơn lại càng bủa vây chiếm lấy cả tâm hồn nàng:
 - + Gượng gạo soi gương thì lệ buông
 - + Gảy tiếng đàn mang khúc nhạc tình yêu thì dây đứt
- Muốn mượn cơn gió đông kia gửi đến chàng những lời yêu thương thấm thiết nhất nơi đáy lòng mình.

Kết bài

Thông qua tâm trạng bi thiết của người chinh phụ, tác giả đã nói lên tiếng lòng của bao người phụ nữ trong xã hội đồng thời là tiếng nói tố cáo bao cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm chia lìa hạnh phúc lứa đôi.

Các bài văn mẫu lớp 10 Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” chọn lọc, hay nhất

Top 2 các bài làm văn mẫu Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Vào nửa đầu thế kỉ thứ mười tám, xã hội phong kiến nước ta rơi vào tình trạng rối ren. Nội chiến xảy ra liên miên khiến nhiều nơi nông dân nổi dậy, nhiều gia đình phải chia li từ biệt ... “Chinh phụ ngâm” ra đời chính là để lên án những cuộc chiến tranh phi nghĩa, đề cao quyền sống cùng khát vọng hạnh phúc của con người. Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” đã diễn tả những cung bậc cảm xúc của người chinh phụ khi phải rời xa người mình yêu thương.

Đầu đoạn trích là hình ảnh người chinh phụ:

xuất hiện như có như không, vừa tỉnh thức trong từng bước đi, từng động tác buông thả tấm rèm nhưng liền đó lại quên tất cả, thờ ơ với tất cả:

Dạo hiên vắng thềm gieo từng bước,

Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.

Chinh phụ xuất hiện như vừa tỉnh, lại vừa mơ, bước đi thẫn thờ, đôi tay như thả tấm rèm một cách hững hờ. Dường như mọi thứ xung quanh đều không làm cho người chinh phụ có chút mảy may để ý. Những gì mà người chinh phụ quan tâm là tin tức từ người chồng nhưng chẳng thấy đâu. “Ngồi rèm thưa” khiến cho không gian như thu hẹp lại, có phần tối tăm hơn, hình ảnh người chinh phụ càng cô đơn, bé nhỏ. Dầu đã có ánh đèn nhưng nó vẫn không đủ để thấp sáng tâm hồn chinh phụ, chỉ khiến chinh phụ thêm cô độc với cái bóng của chính mình:

Đèn có biết dường bằng chẳng biết

Hoa đèn kia với bóng người khá thương

“Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ” - mọi thứ xung quanh cũng như nhuộm màu tâm trạng của người chinh phụ: “gà eo óc gáy sương”, “hoè phát phơ rủ bóng”... Thời gian đằng đẵng trôi qua, sự chờ đợi tưởng chừng như đang ngày một vô vọng:

Khắc chờ đằng đẵng như niên,

Mối sầu dằng dặc tựa miền biên xa.

Mòn mỏi trong sự đợi chờ khiến cho mọi sinh hoạt thường ngày cũng chinh phụ cũng trở nên “gượng”: “Hương gượng đốt”, “Gương gượng soi”, “Sắt cầm gượng gảy” mà không sao che đậy nổi một hiện thực bất như ý “hồn đã mê mải”,... Nỗi chán chường, buồn xuôi bực lộ rõ qua từng cử chỉ. Nhớ chồng da diết, nhưng người chinh phụ không thể không làm cách nào có thể gặp được vì sự cách trở là quá lớn: “non Yên”, “xa vời khôn thấu”... Quá đau buồn, người chinh phụ đau đớn, xót xa:

Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời

Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong

Đôi lập với tâm trạng lo âu, thấp thỏm đợi chờ, cảnh vật vẫn cứ đổi thay từng ngày. Giờ đây người với thiên nhiên không thể tìm được sự đồng điệu về tâm hồn:

Cảnh buồn người thiết tha lòng,

Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.

Sương như búa, bỏ mòn gốc liễu,

Tuyết dường cưa, xẻ héo cành ngô.

“Sương như búa”, “tuyết dường cưa” là những hình ảnh so sánh diễn tả sự đổi thay mạnh mẽ, mãnh liệt của thiên nhiên. Người chinh phụ đã không còn chịu đựng nổi quãng thời gian ngóng đợi tin tức từ chồng. Sự thất vọng như đổ dồn qua cái nhìn của chinh phụ, cách cảm nhận về thế giới thiên nhiên. Sự mâu thuẫn giằng xé trong tâm hồn. Ở người chinh phụ, cả niềm hi vọng và nỗi thất vọng đang tồn tại song song cùng lúc.

Hoa dải nguyệt, nguyệt in một tấm,

Nguyệt gặp hoa, hoa thấm từng bông.

Không gian đã được mở rộng hơn. Có hoa, có nguyệt nhưng không làm cho cảnh sắc âm áp hơn. Ngược lại, thấy hoa và nguyệt lại càng làm cho lòng người xót xa. Có một sự so sánh ngầm giữa cảnh và người. Người chinh phụ thương xót cho thân phận mình mà cảm thấy lẻ loi trước cảnh nguyệt hoa đang hòa quyện, đan xen lẫn nhau:

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,

Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đau!

Như tiêu đề, đoạn trích đã miêu tả về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ, nỗi nhớ thương, chờ đợi chồng chinh chiến phương xa. Chiến tranh phi nghĩa đã làm tan nát hạnh phúc của bao gia đình và khiến cho bao người phải đổ xương máu một cách vô nghĩa. Tác phẩm đã nói lên quyền được sống và quyền được hưởng hạnh phúc của con người. “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” thực sự đã đem lại những giá trị nhân văn cao cả và có sức ảnh hưởng lớn trong nền văn học Việt Nam.

Văn mẫu lớp 10 Nghị luận xã hội về “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” mẫu 2

Chiến tranh - hai từ nghe sao mà đau thương, nó đã để lại bao hậu quả, về sự chia li, sự mất mát. Từ thời xa xưa, chiến tranh luôn xảy ra vì muốn giành lại độc lập hoặc xâm chiếm. Dù vì mục đích gì, nó đã làm cho bao gia đình đau khổ trong cảnh chia li, từng ngày ngóng trông lo lắng. Hiểu được nỗi lòng đó, ở thế kỉ XVIII, tác giả Đặng Trần Côn đã sáng tác bài thơ “Chinh phụ ngâm” về sự mất mát, cô đơn của người phụ nữ, gia đình có chồng đi lính. Đoạn trích “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ” đã làm nổi bật lên nỗi buồn, lẻ loi, ngày ngày lo lắng cho chồng, và mong rằng có một tương lai hạnh phúc.

Mở đầu đoạn trích, người đọc đã có thể cảm nhận ngay được một bóng hình lẻ loi, cô đơn trong một không gian tĩnh mịch, yên ắng:

“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen
Ngoài rèm thước chẳng mách tin
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng?”

Các câu thơ không có một từ chỉ người nhưng ta có thể cảm nhận ngay ra một hình ảnh người phụ nữ quá lẻ loi, cô độc trong cảnh đêm “hiên vắng”. Nàng đi đi lại lại, từng bước, từng bước, của sự lo lắng, trông mong. Những hành động luôn vô thức lặp lại, buông rèm, rồi kéo rèm, nàng hướng ra xa, lòng nàng từng giờ phút chỉ

hương tới chồng mình, trông tin lành. Nhịp thơ chậm, đều đều, như ngưng tụ lại, hình ảnh hiện lên thật rõ nét, sự sáng tác ấy đã mang lại sự đồng cảm của người đọc. Với câu hỏi tu từ, nàng thực muốn biết tin tức của chồng ra sao, lòng bồn chồn khắc khoải với những câu hỏi không có lời đáp.

Nghị luận về tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ để thấy được số phận người phụ nữ trong xã hội xưa

Nỗi cô đơn ấy, có ai hiểu cho nàng, nàng mong muốn được chia sẻ, nàng chỉ có thể chia sẻ với những vật vô tri, vô giác:

“Đèn có biết đường bằng chẳng biết
Lòng thiếp riêng bi thiếp mà thôi
Buồn rầu chẳng nói nên lời
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”

Trong cảnh đêm tĩnh mịch, còn mỗi ngọn đèn kia làm bạn, nàng hỏi, như để tự trấn an lòng mình. Nhưng càng đối mặt với ngọn đèn, thì nàng chỉ thấy hiện rõ lên hình bóng lẻ loi của bản thân, nàng càng nhận ra “lòng thiếp riêng bi thiếp mà thôi”, rằng chẳng ai, ngoài nàng, đang bị sự cô đơn gặm nhấm từng giây, từng giờ. Hình ảnh ngọn đèn được sử dụng nhiều trong văn thơ, và hình ảnh ẩn dụ của ngọn đèn trong đoạn trích này đang soi lòng của người phụ nữ trông chồng, một nỗi buồn rầu đến thương cảm.

Dường như nỗi cô đơn của người chinh phụ đã dần thấm trong từng không gian:

“Gà eo óc gáy sương năm trống
Hòe phát phơ rủ bóng bốn bên”

Tiếng gà gáy đến eo óc, bóng cây hòe rủ phát phơ trong đêm. Ở đây, tác giả đã sử dụng biện pháp tả cảnh ngụ tình, cảnh vật nhuốm màu bi thương vô tận khó mà nắm bắt. Không chỉ về cảnh vật, thời gian của nàng như càng chậm trôi:

“Khắc giờ đằng đẵng như niên
Mối sầu dằng dặc tựa miền ải xa”

Từng câu thơ thấm đầy tâm trạng. Với từ láy “đằng đẵng” kết hợp với “dằng dặc” đã làm nổi bật lên một nỗi buồn không chỉ kéo dài, mà còn nặng trĩu. Tác giả đang nhấn mạnh thêm về mặt thời gian cũng như không gian, so sánh một giờ bằng một năm, mối sầu bằng biển lớn mênh mông với hai từ láy, như cho thấy tiếng thở dài đáng thương của người thiếu phụ đắm chờ chồng.

Người phụ nữ ấy đang chiến đấu từng giờ với sự cô đơn:

“Hương gượng đốt hồn đà mê sái
Gương gượng soi lệ lại châu chan
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn
Duyên ương kim đứt, phím loan ngại chùng.”

Điệp từ “gượng” được lặp lại tới ba lần, một từ chỉ sự hành động đầy ngượng ngạo, cố gắng làm một cái gì đó. Nỗi buồn của nàng dường như rơi vào đỉnh điểm. Cô đốt hương, rồi chính nàng mê sảng, không tỉnh táo được. Gượng soi gương để chỉnh lại nhan sắc, mà giọt lệ lại càng châu chan. Nàng gảy đàn, mà lòng sợ kim đứt, rồi bao kỉ niệm lại ùa về. Cứ tưởng làm việc gì đó để quên đi nỗi buồn, nhưng không nỗi sâu ấy lại càng thêm chùng chất.

Sống trong sự cô đơn, lo lắng vậy, nhưng lòng nàng vẫn luôn hướng về miền đất xa xôi kia, luôn gìn giữ tấm lòng thủy chung của mình:

“Lòng này gửi gió đông có tiện
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên

.....

Cánh buồm người thiết tha lòng
Cành cây sương đượm tiếng trùng mưa phun.”

Không gian dường như được mở rộng hơn, xa hơn đến tận núi Non Yên. Nàng gom lại những nỗi nhớ, lòng yêu thương sâu sắc tận tâm mình, nhờ gió đông gửi tới cho người biên ải xa xôi. Một hình ảnh ước lệ đã gợi lên khoảng cách địa lí giữa hai con người, nỗi nhớ tràn ra cả không gian rộng lớn, kết hợp với hình ảnh hơi khoa trương về nỗi nhớ nhưng rằng nó dài đằng đẵng, và rồi dường như chỉ có kích thước của vũ trụ ấy mới đo được lòng nàng vậy. Giữa cảnh người và vật có sự tương đồng bởi “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Người chinh phụ nhìn cảnh vật bằng đôi mắt chứa buồn thương. Các câu thơ dù đi từ tả tâm trạng đến tả cảnh hay ngược lại thì ta càng thấy sự lẩn quẩn trong lòng người phụ nữ cô đơn, lẻ loi. Từ láy “thiết tha” cho thấy sự dai dẳng không thôi, nó đeo bám người chinh phụ, như muốn cắt da cắt thịt bằng nỗi nhớ mong ấy. Cảnh vật cành cây, sương, mưa, các hình ảnh đều bé nhỏ, mong manh cũng như nàng vậy, khiến nàng càng thêm sầu não.

Dưới ngòi bút của mình, tác giả đã sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật trong việc diễn tả tâm trạng của người chinh phụ. Ông đã sử dụng các từ láy rất độc đáo kết hợp với biện pháp điệp ngữ, khéo léo trong việc lấy hình ảnh ẩn dụ, các bút pháp

ước lệ tượng trưng. Đặc biệt, ông đã rất thành công trong việc “tả cảnh ngụ tình” đã làm nổi bật các cung bậc cảm xúc của người phụ nữ. Thể thơ song thất lục bát với âm điệu réo rắt đã khiến cho người đọc không khỏi đồng cảm, yêu thương người chinh phụ nhiều hơn.

Những vần thơ trong đoạn trích đã vẽ lên một nỗi buồn tâm can của người phụ nữ có chồng đi chinh chiến. Qua đó, tác giả muốn lên án tố cáo chiến tranh phong kiến đã làm phá hủy hạnh phúc lứa đôi của con người, đồng thời ông muốn khẳng định quyền được hạnh phúc của con người. Ông đồng cảm với người phụ nữ và luôn mong muốn họ cũng có được hạnh phúc, cho thấy ông là một người có một tư tưởng nhân đạo thật sâu sắc: yêu thương, trân trọng con người.